

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 02/CTY-XANHDONG ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại và Dịch vụ Xanh Đông về việc chỉnh sửa bổ sung và giải trình theo văn bản hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất phân NPK dạng bột công suất 9.000 tấn/năm”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 66/TTr-STNMT ngày 10 tháng 4 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại và Dịch vụ Xanh Đông, địa chỉ: Lô CN 14 Khu công nghiệp Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất phân NPK dạng bột công suất 9.000 tấn/năm tại Lô CN 14 Khu công nghiệp Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất phân NPK dạng bột công suất 9.000 tấn/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại Lô CN14, KCN Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư: Giấy



chứng nhận đăng ký đầu tư số 1655267061 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 23/3/2009, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 2 ngày 10/6/2016.

1.4. Mã số thuế: 6000804643.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất phân bón NPK dạng bột 9.000 tấn/năm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tại Lô CN14, KCN Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Quy mô: Tổng diện tích đất sử dụng là: 22.600 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích xây dựng các hạng mục của dây chuyền sản xuất chính: 8.569 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích công trình phụ trợ: 430 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích cây xanh, thảm cỏ: 4.600 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích đường nội bộ: 9.001 m<sup>2</sup>.

Là dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: Sản xuất phân NPK dạng bột 9.000 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại và Dịch vụ Xanh Đồng.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có các trách nhiệm:



2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT, KH&CN;
- Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND huyện Cư Jút;
- Cty TNHH SX – TM và DV Xanh Đồng;
- Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, NNTNMT(Ha).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**

Y  
Y  
Y

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **10** /GPMT-UBND  
ngày **26** tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Tâm Thắng, không xả ra môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt tại các nhà vệ sinh khu vực văn phòng, nhà xưởng, nhà bảo vệ sẽ được thu gom bằng phương thức tự chảy thông qua hệ thống đường ống về xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó được đầu nối vào hố ga T14j của tuyến ống thu gom nước thải KCN ở tuyến đường D3 trước khi dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tâm Thắng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Số lượng và vị trí: 03 bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà xưởng, văn phòng, nhà bảo vệ.

- Tóm tắt quy trình xử lý:

+ Nước thải nhà vệ sinh → bể tự hoại 3 ngăn (điều hoà, phân huỷ sinh học, lắng...) → đầu nối vào hố ga T14j của tuyến ống thu gom nước thải KCN ở tuyến đường D3 → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tâm Thắng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Hệ thống xử lý được thiết kế đảm bảo các yêu cầu an toàn về kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý, tránh tắc nghẽn làm ảnh hưởng đến việc vận hành của Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tâm Thắng.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**


Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị và thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành.

3.4. Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại và Dịch vụ Xanh Đồng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường. 

## Phụ lục 2

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **10** /GPMT-UBND ngày **26** tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

#### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải nhiễm mùi.

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: Bụi, khí thải từ hoạt động của khu vực phối trộn và nghiền.

2.2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống thoát khí (D× H= 140mm x 8500mm)

Toạ độ (theo Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ) X = 1.393.070; Y = 436.737.

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.000 m<sup>3</sup>/giờ.

a. Phương thức xả khí thải: xả gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ, xả theo mùa vụ sản xuất.

b. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ( $K_p=1,0$ ;  $K_v=1,0$ )- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo Điều 98 Nghị định số 08/NĐ-CP
2	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	50	
3	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	7,5	

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Hệ thống thu gom khí thải từ 2 khu vực phối trộn và nghiền nguyên liệu nghiền bằng đường ống PVC D120mm, dài 15m đến bể đập bụi.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ 2 khu vực phối trộn và nghiền nguyên liệu → Ống thu gom (D=400mm, L=1,5m) → Quạt hút → Ống thu gom (D=120mm, L=15m) → Bể đập bụi → Ống thải (140mm, L= 8500mm) → Khí thải sau khi thải ra đạt QCVN 19:2009/BTNMT.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 02/5/2024 đến ngày 16/5/2024.  
- Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải nhiễm mùi.

- Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại mục 2.4 của chương này.


- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc bụi, khí thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (01 ngày/lần) trong giai đoạn vận hành ổn định theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ cơ sở phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục. 

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,**  
**ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **10** /GPMT-UBND  
ngày **26** tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh và vị trí tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: phát sinh từ khu vực trộn nguyên vật liệu trong nhà xưởng.
- Nguồn số 2: phát sinh từ khu vực nghiền nguyên liệu vón cục.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí theo VN – 2000, kinh tuyến trục 108030', múi chiều 30:

$$X = 1.393.026; Y = 436.733.$$

- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí theo VN – 2000, kinh tuyến trục 108030', múi chiều 30:

$$X = 1.393.053; Y = 436.713.$$

**3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn phát sinh nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

Bảng giá trị giới hạn của tiếng ồn

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

(Nguồn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn)

Độ rung phát sinh không đáng kể, nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT.

Bảng giá trị giới hạn của độ rung

STT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	60

(Nguồn: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung)



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.


- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích cơ sở để giảm lan truyền tiếng ồn.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. 

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*((Kèm theo Giấy phép môi trường số 10/GPMT-UBND*  
*ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông))*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	3
2	Giẻ lau, vải bảo vệ dính dầu nhớt	18 02 01	Rắn	50
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Lỏng	25
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Rắn	3
	Thùng mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	3
<b>Tổng cộng</b>				<b>84</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

STT	Phân loại CTCNTT	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng carton, tem nhãn	18 01 05	1.800
2	Bùn thải từ bể đập bụi	--	6.000
<b>Tổng</b>			<b>7.800</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 28 kg/ngày tương đương 8.400 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy, có tên chất thải nguy hại và mã số theo quy định.

- Diện tích kho lưu chứa: 24 m<sup>2</sup> (kích thước: 4 x 6 (m)).

- Kho chứa chất thải nguy hại có mặt sàn trong khu vực lưu trữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có mái che làm bằng tôn kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ

CTNH, có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong, có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau. Khu lưu giữ CTNH phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác 140L xung quanh khu vực nhà kho và nhà xưởng sản xuất.

- Diện tích kho: 16 m<sup>2</sup> (kích thước: 4 x 4 (m)).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 5 giỏ thu gom rác chuyên dụng thể tích 15 lít, có nắp đậy tại văn phòng làm việc và khu vực nhà xưởng.


- Bố trí 2 thùng chứa rác 140L xung quanh nhà xưởng và yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, nguyên nhiên liệu, sự cố trong quá trình vận hành dự án và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. 

**Phụ lục 5**  
**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **10**/GPMT-UBND  
ngày **26** tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

---

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế chi tiết các hạng mục công trình xử lý môi trường, xây dựng công trình xử lý khí thải và có quy trình vận hành bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chủ dự án đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

7. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép.

8. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.

---